

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt ( **VIETVALUES**® )

*Công ty thành viên của JPA International*

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, Phường 13, Quận 5, TP. HCM

Chi nhánh Đà Nẵng: 63/5 Trần Quốc Toàn, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email: [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com)

Website: [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban điều hành	02 – 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	07 – 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 – 37



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Ban Điều hành

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

#### 1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 3932/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chân Mây. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300515171 ngày 26/06/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06/11/2020.

Cổ phiếu của Công ty đã đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tại Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 117/2015/GCNCP-VSD ngày 01/12/2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là CMP.

Vốn điều lệ: 324.054.150.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2020: 324.054.150.000 đồng

#### 2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Điện thoại : (+84) 234 – 3 891 841

Fax: : (+84) 234 – 3 891 838

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sản xuất, truyền tải, phân phối điện;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa,...

## CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Ban Điều hành (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### 4.1. Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Dương Bá Hòa	Chủ tịch	08/05/2020 (tái bổ nhiệm)	
Ông Huỳnh Văn Toàn	Thành viên	17/12/2020 (tái bổ nhiệm)	
Ông Lê Chí Phai	Thành viên	19/04/2015	07/05/2020
Ông Trần Văn Phong	Thành viên	08/05/2020 (tái bổ nhiệm)	
Bà Hồ Hoàng Thi	Thành viên	08/05/2020 (tái bổ nhiệm)	
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên	17/08/2020	

#### 4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Tuấn Anh	Trưởng ban	08/05/2020	
Ông Nguyễn Công Định	Thành viên	08/05/2020	
Bà Lê Thị Hoàng Diệu	Thành viên	08/05/2020	

#### 4.3. Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Huỳnh Văn Toàn	Tổng Giám đốc	05/11/2020 (tái bổ nhiệm)	
	Tổng Giám đốc	10/07/2015	17/04/2020
Ông Trần Văn Phong	Quyền Tổng Giám đốc	17/04/2020	05/11/2020
Ông Nguyễn Thành Công	Phó Tổng Giám đốc	12/06/2020 (tái bổ nhiệm)	
Ông Nguyễn Văn Chương	Phó Tổng Giám đốc	27/03/2020 (tái bổ nhiệm)	
Bà Hồ Hoàng Thi	Phó Tổng Giám đốc	12/06/2020 (tái bổ nhiệm)	
Ông Ngô Khánh Toàn	Kế toán trưởng	12/06/2020 (tái bổ nhiệm)	

### 5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Huỳnh Văn Toàn	Tổng Giám đốc	05/11/2020 (tái bổ nhiệm)	
Ông Trần Văn Phong	Quyền Tổng Giám đốc	17/04/2020	05/11/2020
Ông Huỳnh Văn Toàn	Tổng Giám đốc	10/07/2015	17/04/2020

## CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Ban Điều hành (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Căng Chân Mây cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 7 đến trang 37.

### 7. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### 8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

### 9. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và đo đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành



HUỲNH VĂN TOÀN

Tổng Giám đốc

Phú Lộc, ngày 15 tháng 03 năm 2021



Số: 08/2021/BCKT/AUD-DNVVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Căng Chân Mây (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2021, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Càng Chân Mây tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng-**VIETVALUES**



Trần Xuân Thạnh - Phó Giám đốc Chi nhánh  
Giấy CNDKHN số: 1560-2018-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

Huỳnh Minh Hưng - Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN số: 3402-2017-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHẤN MÁY**

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>110.722.456.394</b>	<b>140.494.101.684</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>67.093.516.368</b>	<b>69.186.448.041</b>
111	1. Tiền		19.093.516.368	19.587.530.545
112	2. Các khoản tương đương tiền		48.000.000.000	49.598.917.496
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>22.305.878.718</b>	<b>49.919.335.331</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	10.052.355.692	24.278.359.940
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	876.508.525	8.670.830.391
134	3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.4	1.500.000.000	1.500.000.000
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	13.141.797.060	18.691.502.559
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(3.264.782.559)	(3.221.357.559)
139	7. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>3.456.933.147</b>	<b>4.832.899.616</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.7	3.456.933.147	4.832.899.616
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>17.866.128.161</b>	<b>16.555.418.696</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8.1	225.993.394	229.531.715
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		17.624.167.570	16.323.881.418
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	15.967.197	2.005.563
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>578.961.549.379</b>	<b>534.627.971.052</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>268.824.420.953</b>	<b>278.800.897.778</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	268.793.856.203	278.747.961.355
222	- Nguyên giá		677.670.058.944	663.805.551.673
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(408.876.202.741)	(385.057.590.318)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	30.564.750	52.936.423
228	- Nguyên giá		184.609.600	184.609.600
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(154.044.850)	(131.673.177)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>304.990.632.808</b>	<b>250.831.818.855</b>
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	304.990.632.808	250.831.818.855
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>5.146.495.618</b>	<b>4.995.254.419</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8.2	5.146.495.618	4.995.254.419
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>689.684.005.773</b>	<b>675.122.072.736</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>329.143.617.379</b>	<b>311.977.139.729</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>75.249.328.037</b>	<b>80.526.499.204</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	7.337.781.350	2.088.653.550
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13.1	134.105.061	44.703.028
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	466.449.042	2.592.984.106
314	4. Phải trả người lao động	V.15	10.962.610.171	10.252.577.496
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	2.685.560.460	2.110.858.156
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.17	497.699.989	774.854.649
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	44.463.900.583	55.240.871.221
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19.1	7.154.684.837	3.070.188.513
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.20	-	3.428.785.343
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	1.546.536.544	922.023.142
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>253.894.289.342</b>	<b>231.450.640.525</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.13.2	67.872.483.570	68.730.649.319
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
337	4. Phải trả dài hạn khác		-	-
338	5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19.2	186.021.805.772	162.719.991.206
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>360.540.388.394</b>	<b>363.144.933.007</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.22	<b>360.540.388.394</b>	<b>363.144.933.007</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		324.054.150.000	324.054.150.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		324.054.150.000	324.054.150.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		22.776.049.155	13.991.192.465
421	9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.710.189.239	25.099.590.542
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		13.710.189.239	25.099.590.542
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>689.684.005.773</b>	<b>675.122.072.736</b>

Phú Lộc, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phòng Giám Đốc





BÙI THỊ NGỌC LINH

NGÔ KHÁNH TOÀN

HUYNH VĂN TOÀN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY**

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	VI.1	<b>137.163.956.805</b>	<b>175.382.707.370</b>
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>137.163.956.805</b>	<b>175.382.707.370</b>
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	94.180.188.556	116.698.481.190
20	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>42.983.768.249</b>	<b>58.684.226.180</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	1.948.435.338	2.151.296.767
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	6.898.106	4.826.876
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	1.507.788.186	1.807.270.821
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	27.457.808.712	26.950.103.011
30	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>15.959.708.582</b>	<b>32.073.322.239</b>
31	11. Thu nhập khác	VI.7	24.638.603	896.414.142
32	12. Chi phí khác	VI.8	29.960.479	605.134.739
40	<b>13. Lợi nhuận khác</b>		<b>(5.321.876)</b>	<b>291.279.403</b>
50	<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>15.954.386.706</b>	<b>32.364.601.642</b>
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.14	2.244.197.467	7.265.011.100
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>13.710.189.239</b>	<b>25.099.590.542</b>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	383	701
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	383	701

Người lập biểu

BÙI THỊ NGỌC LINH

Kế toán trưởng

NGÔ KHÁNH TOÀN



Tổng Giám Đốc

HUỖNH VĂN TOÀN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÁM MÂY**

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		<b>15.954.386.706</b>	<b>32.364.601.642</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.9, V.10	23.827.747.736	25.299.752.561
03	- Các khoản dự phòng		(3.385.360.343)	2.334.423.636
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		5.807.830	2.230.470
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.947.345.062)	(2.148.700.361)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>34.455.236.867</b>	<b>57.852.307.948</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		18.396.915.469	(12.456.584.549)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.375.966.469	(280.060.865)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(7.359.060.793)	(14.308.053.585)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(147.702.878)	1.969.719.375
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(4.311.633.492)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	(4.217.481.064)	(6.763.537.306)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.755.892.000)	(2.177.175.109)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>40.747.982.070</b>	<b>19.524.982.417</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(56.056.185.258)	(176.547.870.398)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	883.577.272
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.007.174.001	2.148.700.361
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(54.049.011.257)</b>	<b>(173.515.592.765)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.19	27.386.310.890	165.790.179.719
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(16.177.123.100)	(163.200.450)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>11.209.187.790</b>	<b>165.626.979.269</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>		<b>(2.091.841.397)</b>	<b>11.636.368.921</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		69.186.448.041	57.552.675.526
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.090.276)	(2.596.406)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	V.1	<b>67.093.516.368</b>	<b>69.186.448.041</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng




**BÙI THỊ NGỌC LINH**

**NGÔ KHÁNH TOÀN**

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính



# **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 3932/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chân Mây. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300515171 ngày 26/06/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty đã đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tại Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 117/2015/GCNCP-VSD ngày 01/12/2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là CMP.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: dịch vụ cung ứng tàu biển, thương mại - dịch vụ,...

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sản xuất, truyền tải, phân phối điện;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa,...

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm, Đại dịch COVID-19 đã và đang tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, khi lượng tàu du lịch cập Cảng giảm mạnh. Điều này làm cho doanh thu giảm hơn 21% so với năm trước, trong khi các chi phí cố định như khấu hao... không giảm dẫn đến lợi nhuận trước thuế giảm hơn 50% so với năm trước.

Ngoài ra, không có sự kiện nào về môi trường pháp lý, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

#### **6. Cấu trúc Công ty**

*Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:*

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Xi nghiệp Xếp dỡ Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
Xi nghiệp Cơ giới Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
Xi nghiệp Dịch vụ Cung ứng Tàu biển Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
Văn Phòng đại diện tại thành phố Huế	Tầng 3, nhà số 130 Nguyễn Huệ, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 291 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 282 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch nội bộ (doanh thu – chi phí) và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

#### **7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2014 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Kỳ này</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	9 - 40
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 18
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 12

#### **8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phù Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

#### **9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **10. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và khoản phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **11. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh số tiền của khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về việc cho thuê mặt bằng, bãi chứa.

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà doanh nghiệp sẽ phải thực hiện trong vòng 12 tháng tiếp theo hoặc trong một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo.

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà doanh nghiệp sẽ phải thực hiện sau 12 tháng hoặc sau một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tiếp theo tại thời điểm báo cáo.

#### **12. Vốn chủ sở hữu**

##### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.



**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

**Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

**13. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp ngoại trừ phần đóng góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

**Doanh thu bán hàng hoá xăng dầu**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ tại cảng**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHẤN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **15. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

#### **16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

#### **17. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

#### **18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

#### **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

#### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

#### **20. Báo cáo theo bộ phận**

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐƠN VỊ: VND)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	35.008.771	55.940.250
Tiền gửi ngân hàng	19.058.507.597	19.531.590.295
Các khoản tương đương tiền (*)	48.000.000.000	49.598.917.496
<b>Cộng</b>	<b><u>67.093.516.368</u></b>	<b><u>69.186.448.041</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền gửi có kỳ hạn < 3 tháng				
- Ngân hàng Maritime Bank	-	-	3.000.000.000	-
- Ngân hàng Vietinbank - CN TT Huế	32.000.000.000	-	35.000.000.000	-
- Ngân hàng BIDV - CN TT Huế	8.000.000.000	-	7.598.917.496	-
- Ngân hàng Vietcombank - CN TT Huế	8.000.000.000	-	4.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>48.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>49.598.917.496</u></b>	<b><u>-</u></b>

**2. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>10.052.355.692</b>	<b>24.278.359.940</b>
- Công ty TNHH Cung ứng Vật Tư Đồng Lâm	1.988.501.764	4.383.822.532
- Công ty cổ phần vận tải Hùng Đạt	1.413.166.878	718.618.857
- Các khách hàng khác	6.650.687.050	19.175.918.551
<b>Cộng</b>	<b><u>10.052.355.692</u></b>	<b><u>24.278.359.940</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<b>876.508.525</b>	<b>8.670.830.391</b>
- Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam	502.500.000	502.500.000
- Công ty cổ phần Tư vấn và xây dựng Thịnh Long	258.462.085	158.462.085
- Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Phú Xuân	-	6.469.273.427
- Các nhà cung cấp khác	115.546.440	1.540.594.879
<b>Cộng</b>	<b><u>876.508.525</u></b>	<b><u>8.670.830.391</u></b>

Toàn bộ khoản trả trước cho người bán của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là trả trước cho các nhà thầu để thực hiện dự án bến số 2.

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu cho vay với các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu cho vay với các đối tượng và cá nhân khác</i>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.500.000.000</u></b>	<b><u>1.500.000.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>2.095.839.976</b>	<b>513.918.664</b>	<b>7.772.579.778</b>	<b>513.918.664</b>
- Ban quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	951.347.248	-	951.347.248	-
- Phải thu tiền đền bù do Nhà nước thu hồi đất	-	-	5.838.851.000	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	513.918.664	513.918.664	513.918.664	513.918.664
- Công ty TNHH Du lịch Hoa Ti gôn	146.475.000	-	-	-
- Phải thu CBCNV về thuế thu nhập cá nhân	375.283.448	-	300.768.312	-
- Lãi dự thu tiền gửi Ngân hàng	107.835.616	-	167.664.554	-
- Các đối tượng phải thu khác	980.000	-	30.000	-
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	<b>549.816.197</b>	-	<b>423.285.307</b>	-
<i>Ký quỹ ký cược ngắn hạn</i>	<b>10.496.140.887</b>	-	<b>10.495.637.474</b>	-
- Ban quản lý khu kinh tế công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế (*)	10.224.850.000	-	10.224.850.000	-
- Ký quỹ kinh doanh lãi hành quốc tế	251.290.887	-	250.787.474	-
- Ký quỹ thuê văn phòng	20.000.000	-	20.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>13.141.797.060</b>	<b>513.918.664</b>	<b>18.691.502.559</b>	<b>513.918.664</b>

(\*) Khoản tiền ký quỹ đối với việc đầu tư xây dựng bến số 02 – Cảng Chân Mây theo thỏa thuận ký quỹ số 50/QĐ-KKTCN với Ban quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MỸ**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**6. Nợ xấu**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		-	-		-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		<b>3.264.782.559</b>	-		<b>3.264.782.559</b>	<b>43.425.000</b>
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	>3 năm	2.171.369.272	-	>3 năm	2.171.369.272	-
- Công ty TNHH Sơn Tùng	>3 năm	627.329.522	-	>3 năm	627.329.522	-
- Chi nhánh DNTN TM & DV Hoàng Việt	>3 năm	154.849.350	-	>3 năm	154.849.350	-
- Công ty cổ phần nhựa đường Minh Đạt	>3 năm	144.750.000	-	2 - 3 năm	144.750.000	43.425.000
- Công ty TNHH Khai thác Than Đông Bắc	>3 năm	83.858.340	-	>3 năm	83.858.340	-
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Khánh Bảo	>3 năm	60.000.000	-	>3 năm	60.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hưng Kim	>3 năm	17.753.300	-	>3 năm	17.753.300	-
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Hàng Hải	>3 năm	3.736.256	-	>3 năm	3.736.256	-
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải biển Hợp Thành	>3 năm	1.136.519	-	>3 năm	1.136.519	-
<b>Cộng</b>		<b>3.264.782.559</b>	<b>-</b>		<b>3.264.782.559</b>	<b>43.425.000</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.401.724.088	-	3.643.813.955	-
Công cụ, dụng cụ	618.952.500	-	774.673.599	-
Hàng hóa	436.256.559	-	414.412.062	-
<b>Cộng</b>	<b>3.456.933.147</b>	<b>-</b>	<b>4.832.899.616</b>	<b>-</b>

Nguyên liệu, vật liệu là những vật tư, nhiên liệu được sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và sửa chữa tài sản cố định.

Công cụ dụng cụ là những dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, được mua về nhưng chưa sử dụng.

Hàng hóa của Công ty là xăng, dầu dự trữ để bán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn****8.1. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	152.993.394	156.048.379
Chi phí thuê văn phòng	73.000.000	73.000.000
Chi phí trả trước khác	-	483.336
<b>Cộng</b>	<b><u>225.993.394</u></b>	<b><u>229.531.715</u></b>

*Chi tiết biến động chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	229.531.715	222.512.591
Tăng trong năm	450.825.232	462.968.545
Phân loại lại	-	(6.961.113)
Phân bổ trong năm	(454.363.553)	(448.988.308)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>225.993.394</u></b>	<b><u>229.531.715</u></b>

**8.2. Dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa tài sản	4.062.620.482	3.783.964.149
Chi phí công cụ dụng cụ	1.083.875.136	1.211.290.270
<b>Cộng</b>	<b><u>5.146.495.618</u></b>	<b><u>4.995.254.419</u></b>

*Chi tiết biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	4.995.254.419	6.971.992.918
Tăng trong năm	3.837.219.880	2.549.983.591
Phân loại lại	-	6.961.113
Phân bổ trong năm	(3.685.978.681)	(4.533.683.203)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>5.146.495.618</u></b>	<b><u>4.995.254.419</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÁY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	527.797.527.768	99.720.081.535	33.590.336.909	2.697.605.461	663.805.551.673
Mua sắm trong năm	-	-	-	51.968.181	51.968.181
Đầu XDCB h/thành	13.812.539.090	-	-	-	13.812.539.090
<b>Số cuối năm</b>	<b>541.610.066.858</b>	<b>99.720.081.535</b>	<b>33.590.336.909</b>	<b>2.749.573.642</b>	<b>677.670.058.944</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	286.497.092.743	66.484.499.919	30.083.282.681	1.992.714.975	385.057.590.318
Khấu hao trong năm	16.368.448.920	6.147.431.281	998.993.422	303.738.800	23.818.612.423
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>302.865.541.663</b>	<b>72.631.931.200</b>	<b>31.082.276.103</b>	<b>2.296.453.775</b>	<b>408.876.202.741</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	241.300.435.025	33.235.581.616	3.507.054.228	704.890.486	278.747.961.355
<b>Số cuối năm</b>	<b>238.744.525.195</b>	<b>27.088.150.335</b>	<b>2.508.060.806</b>	<b>453.119.867</b>	<b>268.793.856.203</b>

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao vẫn tiếp tục sử dụng tại ngày 31/12/2020: 38.579.263.401 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại thời điểm 31/12/2020.
- Giá trị còn lại TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng.

**10. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	184.609.600	184.609.600
Tăng trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>184.609.600</b>	<b>184.609.600</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>		
Số đầu năm	131.673.177	131.673.177
Khấu hao trong năm	22.371.673	22.371.673
Thanh lý, nhượng bán	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>154.044.850</b>	<b>154.044.850</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	52.936.423	52.936.423
<b>Số cuối năm</b>	<b>30.564.750</b>	<b>30.564.750</b>

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao vẫn tiếp tục sử dụng tại ngày 31/12/2020: 101.169.600 đồng.
- Không có TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại thời điểm 31/12/2020.
- Giá trị còn lại TSCĐ vô hình cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển sang TSCD	Kết chuyển khác	Số cuối kỳ
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>246.305.474.206</b>	<b>68.108.430.895</b>	<b>13.812.539.090</b>	<b>1.263.000</b>	<b>300.600.103.011</b>
- Công trình bến số 2 (*)	236.939.415.115	63.321.981.805	-	1.263.000	300.260.133.920
- Công trình NC Bến Số 1 tiếp nhận tải 50.000DWT	-	-	-	-	-
- Công trình nâng cấp bến 120m	303.605.455	36.363.636	-	-	339.969.091
- Công trình mở rộng kho bãi	9.062.453.636	4.750.085.454	13.812.539.090	-	-
- Công trình nhà kho	20.909.090	-	-	-	20.909.090
<b>Chi phí sửa chữa tài sản</b>	<b>4.505.435.559</b>	<b>6.431.600.107</b>	<b>-</b>	<b>6.567.414.959</b>	<b>4.369.620.707</b>
- Cầu dẫn	144.151.523	674.843.924	-	641.869.873	177.125.574
- Chi phí lên đà tàu CM 02	-	1.496.020.760	-	1.496.020.760	-
- Sửa chữa dầm cầu bến số 1	253.333.903	4.176.190.423	-	4.429.524.326	-
- Sửa chữa bục đầu cọc bến số 1	4.107.950.133	84.545.000	-	-	4.192.495.133
<b>Cộng</b>	<b>250.831.818.855</b>	<b>74.540.031.002</b>	<b>13.812.539.090</b>	<b>6.568.677.959</b>	<b>304.990.632.808</b>

(\*) Toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Công trình bến số 2 được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCVĐADT/NHCT460-CANGCHANMAY ngày 19/10/2018 (xem thuyết minh số V.19).

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả các người bán khác</b>	<b>7.337.781.350</b>	<b>2.088.653.550</b>
- Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Phú Xuân (*)	3.180.698.970	-
- Công ty Cổ Phần 1-5	708.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Phú Gia Nguyễn	976.600.820	-
- Các nhà cung cấp khác	2.472.481.560	2.088.653.550
<b>Cộng</b>	<b>7.337.781.350</b>	<b>2.088.653.550</b>

(\*) Phải trả Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Phú Xuân theo Hợp đồng thi công xây dựng số 15/2018/HĐXD ngày 19/06/2018 về đầu tư xây dựng Công trình bến số 2.

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Trụ sở: Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn, dài hạn****13.1. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>134.105.061</b>	<b>44.703.028</b>
- DNTN Long Nhung - Phan Thành Lớn	103.137.046	-
- Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức	9.689.603	35.891.520
- Các khách hàng khác	21.278.412	8.811.508
<b>Cộng</b>	<b><u>134.105.061</u></b>	<b><u>44.703.028</u></b>

**13.2. Dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	<b>67.872.483.570</b>	<b>68.730.649.319</b>
- Royal Caribbean Cruises Ltd (*)	67.872.483.570	68.730.649.319
<b>Cộng</b>	<b><u>67.872.483.570</u></b>	<b><u>68.730.649.319</u></b>

(\*) Khoản ứng trước theo thỏa thuận ngày 26/05/2015 giữa Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chân Mây (nay là Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây) và Hãng Du lịch Tàu biển Royal Caribbean (chi tiết xem thuyết minh số VII.1).

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

**14. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng	-	-	1.880.391.287	1.880.391.287	-	-
Thuế TNDN	2.439.732.639	-	2.244.197.467	4.217.481.064	466.449.042	-
Thuế thu nhập cá nhân	153.251.467	-	317.802.103	485.015.204	-	13.961.634
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*)	-	-	44.346.287	44.346.287	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.005.563	554.579	554.579	-	2.005.563
<b>Cộng</b>	<b>2.592.984.106</b>	<b>2.005.563</b>	<b>4.493.291.723</b>	<b>6.633.788.421</b>	<b>466.449.042</b>	<b>15.967.197</b>

(\*) Quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm để thực hiện dự án đầu tư bến số 02 đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCVDAĐT/NHCT460-CANGCHANMAY ngày 19/10/2018 (xem thuyết minh số V.19).

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ cung ứng tàu biển cung cấp trực tiếp cho tổ chức nước ngoài hoặc thông qua đại lý tàu biển là 0%; cung cấp cho các tổ chức nội địa là 10%.

Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Trong năm Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp theo Nghị Quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.954.386.706	32.364.601.642
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	75.595.204	453.548.858
- Các khoản điều chỉnh tăng	76.685.480	624.412.494
- Các khoản chi phí không hợp lý	64.278.664	67.000.000
- Các khoản phạt vi phạm hành chính	554.579	31.726.795
- Phạt chậm nộp lợi nhuận về Tổng Công ty	-	522.258.944
- Xử lý công nợ nhỏ lẻ	4.954.131	1.196.285
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	6.898.106	2.230.470
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.090.276	(170.863.636)
- Thu nhập đã tính thuế TNDN các năm trước	-	(170.863.636)
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.090.276	-
Thu nhập chịu thuế	16.029.981.910	32.818.150.500
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	3.205.996.382	6.563.630.100
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	701.381.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	961.798.915	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>2.244.197.467</b>	<b>7.265.011.100</b>

**Thuế nhà đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**15. Phải trả người lao động**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	10.962.610.171	10.252.577.496
Tiền thưởng phải trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.962.610.171</b>	<b>10.252.577.496</b>

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả các đối tượng khác</b>	<b>2.605.913.926</b>	<b>2.028.651.156</b>
Chi phí lãi vay phải trả	2.605.913.926	2.028.651.156
Chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ	79.646.534	82.207.000
<b>Cộng</b>	<b>2.685.560.460</b>	<b>2.110.858.156</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>497.699.989</b>	<b>774.854.649</b>
- Công ty TNHH Thực Phẩm An Long Miền Trung	497.699.989	510.912.649
- Công ty Cổ phần LEC - GROUP	-	263.942.000
<b>Cộng</b>	<b><u>497.699.989</u></b>	<b><u>774.854.649</u></b>

**18. Phải trả khác ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>44.243.128.464</b>	<b>46.486.238.214</b>
- Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy (*)	44.243.128.464	46.486.238.214
<i>Phải trả các đối tượng và cá nhân khác</i>	<b>220.772.119</b>	<b>8.754.633.007</b>
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (**)	-	8.583.259.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	90.000.000	-
- Kinh phí, đoàn phí công đoàn	35.790.195	96.346.819
- Phải trả thù lao quản lý dự án Bến số 2	85.415.265	64.403.986
- Phải trả các đối tượng khác	9.566.659	10.623.202
<b>Cộng</b>	<b><u>44.463.900.583</u></b>	<b><u>55.240.871.221</u></b>

(\*) Bao gồm khoản lãi vay phải trả Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy: 16.684.922.964 đồng; khoản phải trả về cổ tức năm 2018 và 2019: 27.558.205.500 đồng (Số đầu năm bao gồm: Lãi vay phải trả: 16.684.922.964 đồng; cổ tức phải trả: 29.801.315.250 đồng).

(\*\*) Khoản phải trả UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế là khoản nợ đầu tư xây dựng cơ bản phát sinh khi bàn giao Cảng Chân Mây từ Ban quản lý Khu kinh tế Chân Mây Lăng Cô về Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy).

**19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn****19.1. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>7.154.684.837</b>	<b>7.154.684.837</b>	<b>3.070.188.513</b>	<b>3.070.188.513</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế	7.154.684.837	7.154.684.837	3.070.188.513	3.070.188.513
<b>Cộng</b>	<b><u>7.154.684.837</u></b>	<b><u>7.154.684.837</u></b>	<b><u>3.070.188.513</u></b>	<b><u>3.070.188.513</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****19.2. Dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay dài hạn</b>	<b>186.021.805.772</b>	<b>186.021.805.772</b>	<b>162.719.991.206</b>	<b>162.719.991.206</b>
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế	186.021.805.772	186.021.805.772	162.719.991.206	162.719.991.206
<b>Cộng</b>	<b>186.021.805.772</b>	<b>186.021.805.772</b>	<b>162.719.991.206</b>	<b>162.719.991.206</b>

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCVDAĐT/NHCT460-CANGCHANMAY ngày 19/10/2018. Hạn mức vay là 268.980.000.000 đồng nhưng không vượt quá 70% tổng vốn đầu tư thực tế của Dự án (bao gồm thuế GTGT và chi phí lãi vay trong thời gian thi công), thời hạn vay là 180 tháng từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên (từ ngày 16/01/2019 đến ngày 16/01/2034). Thời gian ân hạn là 18 tháng, hết thời gian ân hạn, nợ gốc được trả 3 tháng một lần, trả lãi 54 kỳ. Lãi suất vay được xác định như sau:

- Trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên: 8%/năm;
- Từ tháng thứ 13 đến hết tháng thứ 24: 8,5%/năm;
- Từ tháng thứ 25 đến hết tháng thứ 96: lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Công thương Việt nam cộng (+) biên độ 2,5%/năm;
- Từ tháng thứ 97 đến hết tháng thứ 180: lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Công Thương Việt nam cộng (+) biên độ 3,5%/năm và không thấp hơn sàn lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng Công Thương Việt Nam tại thời điểm đó.

Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư thực hiện Dự án đầu tư Bến số 2 – Cảng Chân Mây giai đoạn 1 tại vịnh Chân Mây, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án, bao gồm tất cả công trình xây dựng, máy móc thiết bị thuộc Bến số 2 – Cảng Chân Mây giai đoạn 1 và các tài sản khác đủ điều kiện nhận theo quy định của Bên cho vay. Đồng thời nhận thế chấp bổ sung các tài sản là: Quyền sử dụng đất của toàn bộ dự án và lưu giữ toàn bộ bản chính hồ sơ pháp lý của dự án; các quyền tài sản phát sinh trong quá trình thực hiện dự án như quyền tài sản đối với các hợp đồng thi công xây dựng, hợp đồng mua/nhập khẩu máy móc thiết bị, quyền thụ hưởng bảo hiểm và các quyền khác theo quy định của Pháp luật (xem thuyết minh số V.11).

**20. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong năm	Số sử dụng trong năm	Số cuối kỳ
<b>Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ</b>				
Dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng cầu cảng	2.428.785.343	-	2.428.785.343	-
Dự phòng sửa chữa tàu lái	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Dự phòng tiền lương và các khoản trích theo lương	-	3.977.000.000	3.977.000.000	-
	<b>3.428.785.343</b>	<b>3.977.000.000</b>	<b>7.405.785.343</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MỸ**

Thôn Bò An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	913.684.317	501.991.811	(14.751.000)	1.400.925.128
Quỹ phúc lợi	8.338.825	1.388.525.591	(1.251.253.000)	145.611.416
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	489.888.000	(489.888.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>922.023.142</b>	<b>2.380.405.402</b>	<b>(1.755.892.000)</b>	<b>1.546.536.544</b>

**22. Vốn chủ sở hữu****22.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	324.054.150.000	7.250.258.119	22.469.781.154	353.774.189.273
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	25.099.590.542	25.099.590.542
Trích lập các quỹ	-	6.740.934.346	(8.535.452.704)	(1.794.518.358)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(13.934.328.450)	(13.934.328.450)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>324.054.150.000</b>	<b>13.991.192.465</b>	<b>25.099.590.542</b>	<b>363.144.933.007</b>
Số dư đầu năm này	324.054.150.000	13.991.192.465	25.099.590.542	363.144.933.007
Lợi nhuận trong năm	-	-	13.710.189.239	13.710.189.239
Trích lập các quỹ	-	8.784.856.690	(11.165.262.092)	(2.380.405.402)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(13.934.328.450)	(13.934.328.450)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>324.054.150.000</b>	<b>22.776.049.155</b>	<b>13.710.189.239</b>	<b>360.540.388.394</b>

Công ty Phân phối phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị Quyết số 01/NQ-DHDCD ngày 07/05/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

**22.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp
Vốn góp của cổ đông Nhà nước - Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	98,89%	320.444.250.000	98,89%	320.444.250.000
Vốn góp của các cổ đông khác	1,11%	3.609.900.000	1,11%	3.609.900.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>324.054.150.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>324.054.150.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÁY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***22.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	324.054.150.000	324.054.150.000
+ <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	-
+ <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	-
+ <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	324.054.150.000	324.054.150.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*)	13.934.328.450	13.934.328.450

(\*) Công ty Phân phối lợi nhuận theo Nghị Quyết số 01/NQ-DHĐCD ngày 07/05/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

**22.4. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.405.415	32.405.415
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.405.415	32.405.415
- <i>Cổ phiếu thường</i>	32.405.415	32.405.415
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.405.415	32.405.415
- <i>Cổ phiếu thường</i>	32.405.415	32.405.415
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐƠN VỊ TÍNH: ĐỒNG)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	127.141.567.302	147.212.397.908
Doanh thu bán hàng hóa	10.022.389.503	28.170.309.462
<b>Cộng</b>	<b>137.163.956.805</b>	<b>175.382.707.370</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	84.785.443.623	91.115.217.989
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.394.744.933	25.583.263.201
<b>Cộng</b>	<b>94.180.188.556</b>	<b>116.698.481.190</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÁY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.947.345.062	2.148.700.361
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.090.276	2.596.406
<b>Cộng</b>	<b><u>1.948.435.338</u></b>	<b><u>2.151.296.767</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.898.106	4.826.876
<b>Cộng</b>	<b><u>6.898.106</u></b>	<b><u>4.826.876</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	643.474.326	1.001.208.327
Chi phí khấu hao TSCĐ	96.115.512	98.854.763
Chi phí dịch vụ mua ngoài	297.764.171	250.100.454
Chi phí khác	470.434.177	457.107.277
<b>Cộng</b>	<b><u>1.507.788.186</u></b>	<b><u>1.807.270.821</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	13.695.647.945	14.972.609.144
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.338.421.938	2.089.654.696
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.990.995.472	2.066.333.613
Dự phòng phải thu khó đòi	43.425.000	101.325.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.256.155.592	2.716.259.817
Chi phí bằng tiền khác	6.133.162.765	5.003.920.741
<b>Cộng</b>	<b><u>27.457.808.712</u></b>	<b><u>26.950.103.011</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHẤN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**7. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	860.226.957
Thu từ bồi thường hao hụt do vận chuyển tàu	14.080.872	-
Các khoản thu nhập khác	10.557.731	36.187.185
<b>Cộng</b>	<b>24.638.603</b>	<b>896.414.142</b>

**8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt vi phạm hành chính, tiền chậm nộp tiền thuế	554.579	553.985.739
Chi phí khác	29.405.900	51.149.000
<b>Cộng</b>	<b>29.960.479</b>	<b>605.134.739</b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.710.189.239	25.099.590.542
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(1.299.725.940)	(2.379.441.183)
- Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (**)	(1.299.725.940)	(2.379.441.183)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	12.410.463.299	22.720.149.359
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	32.405.415	32.405.415
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)</b>	<b>383</b>	<b>701</b>

(\*) Điều chỉnh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi kỳ từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-DHDCĐ ngày 07/05/2020. Theo đó, tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 là 9,48% lợi nhuận sau thuế. Do đó, chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 là 701 đồng/cổ phiếu thay vì 713 đồng/cổ phiếu như đã trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(\*\*) Tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo tỷ lệ 9,48% lợi nhuận sau thuế (tương đương tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/05/2020).

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	32.405.415	32.405.415
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>32.405.415</b>	<b>32.405.415</b>

#### 10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.410.463.299	22.720.149.359
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	32.405.415	32.405.415
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>383</b>	<b>701</b>

#### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.213.005.281	4.176.062.986
Chi phí nhân công	42.430.336.502	45.710.397.069
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.827.747.736	25.299.752.561
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.723.980.488	65.977.209.195
Chi phí khác	6.603.596.942	7.277.372.177
<b>Cộng</b>	<b>113.798.666.949</b>	<b>148.440.793.988</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Các cam kết

Theo thỏa thuận ngày 26/05/2015 giữa Công ty THHH Một thành viên Cảng Chân Mây (nay là Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây) và Hãng Du lịch Tàu biển Royal Caribbean, Royal Caribbean sẽ được ưu tiên sử dụng bến cập tàu và phải trả trước phí dịch vụ và phí hành khách nhằm hỗ trợ tài chính cho việc thi công dự án mở rộng và nâng cấp bến cập tàu của Cảng Chân Mây. Giá trị trả trước này sẽ được trừ dần vào phí dịch vụ và phí hành khách thực tế phát sinh từng lần. Trừ trường hợp chấm dứt trước thời hạn, thỏa thuận này có thời hạn 10 năm kể từ ngày 26/05/2015.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Ban thư ký Hội đồng quản trị. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

	Năm nay	Năm trước
<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>96.120.300</b>	<b>82.249.050</b>
Thù lao	87.000.000	72.000.000
Khác	9.120.300	10.249.050
<b>Ban điều hành</b>	<b>2.184.307.280</b>	<b>2.160.253.802</b>
Tiền lương	2.181.824.030	2.157.770.552
Khác	2.483.250	2.483.250
<b>Ban kiểm soát</b>	<b>22.153.800</b>	<b>22.018.350</b>
Thù lao	18.000.000	18.000.000
Khác	4.153.800	4.018.350
<b>Ban thư ký HĐQT</b>	<b>66.000.000</b>	<b>57.928.050</b>
Thù lao	66.000.000	54.000.000
Khác	-	3.928.050
<b>Cộng</b>	<b>2.368.581.380</b>	<b>2.322.449.252</b>

**Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy là công ty mẹ với tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết tương ứng 98,89%.

**Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong kỳ**

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy</b>		
- Chưa có tức	13.779.102.750	13.779.102.750

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

Công nợ với các bên liên quan khác tại ngày 31/12/2020 như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả khác</b>		
Phải trả lãi vay Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	16.684.922.964	16.684.922.964
Phải trả cổ tức	27.558.205.500	29.801.315.250

**3. Báo cáo bộ phận****3.1. Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

	<b>Dịch vụ cung ứng tàu biển</b>	<b>Xăng dầu</b>	<b>Các khoản loại trừ</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	127.141.567.302	10.022.389.503	-	137.163.956.805
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	127.141.567.302	10.022.389.503	-	137.163.956.805
Giá vốn bộ phận	84.785.443.623	9.394.744.933	-	94.180.188.556
Lợi nhuận gộp bộ phận	42.356.123.679	627.644.570	-	42.983.768.249
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	150.179.687.449	25.203.019.921	-	175.382.707.370
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	150.179.687.449	25.203.019.921	-	175.382.707.370
Giá vốn bộ phận	92.905.730.783	23.792.750.407	-	116.698.481.190
Lợi nhuận gộp bộ phận	57.273.956.666	1.410.269.514	-	58.684.226.180

**3.2. Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty đều được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

**4. Số liệu so sánh**

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

**5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Phú Lộc, ngày 15 tháng 03 năm 2021



**BÙI THỊ NGỌC LINH**

Người lập biểu



**NGÔ KHÁNH TOÀN**

Kế toán trưởng



**HUỲNH VĂN TOÀN**

Tổng Giám đốc

